TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11/10/2019
V/v: "tranh chấp hôn nhân gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiểm

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/7/2019 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi ĐKTT: thôn C, xã S, huyện Tân Yên, Bắc Giang

Nơi cư trú: thôn C1, xã L, huyện Tân Yên, Bắc Giang

- Bị đơn: anh Giáp Ngọc B, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện Tân Yên, Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nh trình bày:*

- Chị và anh Giáp Ngọc B kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, chị và anh B về chung sống với nhau. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Chị lại có thời gian đi làm ăn xa nên hai bên không còn tình cảm vợ chồng. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh B.

- Về con chung, tài sản, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Nh vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

** Đối với anh Giáp Ngọc B là bị đơn trong vụ án*. Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc tại Tòa án anh B đều vắng mặt. Toà án không thu thập được ý kiến của anh.

Tại phiên tòa: anh Giáp Ngọc B vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nh nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh B có nơi cư trú tại thôn C, xã S, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án "tranh chấp hôn nhân và gia đình" là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: anh Giáp Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Giáp Ngọc B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nh:

Chị Nh và anh B xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, chị Nh lại có thời gian đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B cũng không đến Toà án tham gia hoà giải, trình bày ý kiến về việc chị Nh yêu cầu ly hôn. Chứng tỏ anh B không tha thiết đoàn tụ vợ chồng. HĐXX thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Nh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Giáp Ngọc B.

2. Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005880 ngày 26/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị Nh đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thế Đăng